TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12-6-2019
V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Thuận

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Điển

Bà Nguyễn Thị Phin

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018 về việc tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07-5-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28-5-2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh PQH; địa chỉ: Số 29/40 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn*: Chị PTH; địa chỉ: Số 29/40 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 06-8-2018, các Bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh PQH trình bày:

Anh PQH và chị PTH xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã D, huyện E, thành phố Hải Phòng từ ngày 08-4-2011. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về tính cách và lối sống, dẫn đến nhiều vấn đề vợ chồng không thống nhất được với nhau, khiến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng.

Khoảng tháng 3-2017, chị PTH bỏ nhà đi, không liên lạc, báo tin tức, địa chỉ của mình cho chồng, con. Đến nay, chị PTH đi đâu, làm gì, sinh sống ở đâu, anh PQH không biết. Anh PQH đã liên hệ với gia đình chị PTH, thì được biết chị PTH thỉnh thoảng có liên lạc với bố mẹ đẻ, nhưng không nói đang ở đâu. Anh PQH đã tìm kiếm, hỏi thăm nhiều nơi, đã đăng tin tìm người trên Báo Hải Phòng, nhưng vẫn không có tin tức của chị PTH. Qua đó, anh PQH cho rằng chị PTH không còn quan tâm đến chồng, con và không muốn đoàn tụ gia đình. Vì vậy, anh PQH đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị PTH.

Về con chung: Anh PQH và chị PTH có 02 con chung là D, sinh ngày 24-7-2011 và E, sinh ngày 30-10-2014. Hiện tại, hai con đang sống cùng anh PQH tại địa chỉ: Số 29/40 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng. Anh PQH đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con, anh PQH không yêu cầu, vì chưa gặp được chị PTH, không biết được hoàn cảnh chị PTH hiện nay như thế nào. Khi cần thiết về việc cấp dưỡng nuôi con, anh PQH sẽ đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

Về tài sản chung: Anh PQH không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị PTH, bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú, vắng mặt toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Vì vậy, không có lời khai và bất cứ ý kiến gì về việc giải quyết vụ án. Tòa án đã thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bị đơn, đã thực hiện đăng tin báo trên Báo, Đài và Cổng thông tin điện tử của Toà án nhân dân tối cao theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Căn cứ Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Việc xác định về thẩm quyền; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viển kiểm sát; việc cấp tống đạt văn bản tố tụng; Bị đơn vắng mặt tại phiên toà đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên toà, đã thực hiện đúng và đầy đủ theo qui định của Điều 28, Điều 35, Điều 48, Điều 49, Điều 97, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn, chị PTH được triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2] Xét thấy, anh PQH và chị PTH kết hôn với nhau trên cơ cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã D, huyện E, thành phố Hải Phòng nên hôn nhân này là hợp pháp. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn, biên bản ghi ý kiến của gia đình bị đơn, thấy rằng quá trình chung sống giữa anh PQH và chị PTH đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Khoảng tháng 3-2017, chị PTH đi khỏi nơi cư trú, không khai báo tạm vắng theo qui định, không thông tin cho anh PQH biết đi đâu. Anh PQH đã áp dụng các biện pháp tìm kiếm cần thiết nhưng vẫn không biết hiện nay chị PTH đi đâu, ở đâu và làm gì. Chỉ biết rằng chị PTH đôi khi vẫn có sự liên lạc với bố mẹ đẻ. Phía gia đình của chị PTH xác nhận chị PTH thỉnh thoảng có trở về nhà bố mẹ đẻ rồi lại đi, nhưng gia đình không rõ chị PTH đi đâu, hiện đang ở đâu. Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng anh PQH và chị PTH là có thật. Việc chị PTH đi khỏi nơi cư trú, không chung sống với anh PQH nữa có nguyên nhân từ mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, kéo dài, không giải quyết được. Việc chị PTH ra đi đã hơn 02 năm, có liên lạc với bố mẹ đẻ, nhưng không thông tin, liên lạc với anh PQH và các con. Qua đó, chứng tỏ rằng chị PTH không còn mong muốn tiếp tục chung sống với anh PQH. Anh PQH cho rằng chị PTH không còn quan tâm đến chồng, con và không muốn đoàn tụ gia đình là có cơ sở. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho anh PQH ly hôn với chị PTH là phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là D, sinh ngày 24-7-2011 và E, sinh ngày 30-10-2014. Xét thấy, hiện nay các con chung đang do anh PQH trực tiếp nuôi dưỡng. Việc giao các con chung cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp điều kiện thực tế, hoàn cảnh của nguyên đơn và nguyện vọng của các con. Bởi vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao hai con chung cho anh PQH trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con, anh PQH không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về phía bị đơn, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không có được ý kiến, lời khai của bị đơn như đã nêu trên. Bởi vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh PQH và chị PTH được ly hôn.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu D, sinh ngày 24-7-2011 và E, sinh ngày 30-10-2014 cho anh PQH trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Anh PQH phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền số: 0007923, ngày 17-9-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng. Anh PQH đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TANDTP. Hải Phòng;
- VKSNDTP. Hải Phòng;
- VKSND. quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS. quận Hồng Bàng;
- UBND xã D, E, Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Thuận